

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



## HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG

Tên gói chào hàng: DỊCH VỤ THI CÔNG NỀN CỌC ĐỂ MỞ RỘNG ĐƯỜNG TRƯỢT SỐ 02 (SW02) VÀ CÁC MÓNG ĐỖ JACKING PHỤC VỤ SẢN XUẤT DỰ ÁN STTP2B

Phát hành ngày: 08 /07/2025

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 07 năm 2025

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



Có Ngọc Quý

## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC .....</b>	<b>2</b>
<b>Phụ lục 1. CÁC YÊU CẦU .....</b>	<b>3</b>
<b>Phụ lục 2. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU .....</b>	<b>10</b>



## PHỤ LỤC 1 – CÁC YÊU CẦU

### 1. Mục đích

Thi công nền cọc mở rộng đường trượt số 02 (SW02) và các móng đỡ jacking phục vụ sản xuất dự án STTP2B.

### 2. Địa điểm thi công

Bãi thi công của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC tại Trung tâm Công nghiệp Năng lượng và Dịch vụ Hậu cần Cảng PTSC, số 65A, đường 30-4, phường Thăng Nhất, thành phố Hồ Chí Minh.

### 3. Tiêu chuẩn áp dụng

- TCVN 10304:2014: Móng cọc – Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 10667:2014: Cọc bê tông ly tâm – Khoan hạ cọc – Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 7201:2015: Khoan hạ cọc bê tông ly tâm – Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 7888:2014: Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước;
- JIS A 5373:2010: Precast prestressed concrete products;
- TCXDVN 9393:2012: Cọc - Phương pháp thử nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục;
- Tất cả công tác thí nghiệm đều được thực hiện theo tiêu chuẩn ASTM hiện hành (American Society For Testing And Materials) và các tiêu chuẩn liên quan khác (nếu có).
- Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thí nghiệm tuân thủ theo tiêu chuẩn Mỹ (ASTM):
- ASTM D1143 – 07 Standard Test Methods for Deep Foundations under Static Axial Compressive Load
- ASTM D1194 – 94 Standard Test Method for Bearing Capacity of Soil for Static Load and Spread Footings.
- ASTM D1195-93 Standard Test Method for Repetitive Static Plate Load Tests of Soils And Flexible Pavement Components, for Use in Evaluation and Design of Airport And Highway Pavements.
- ASTM D1196-93 Standard Test Method for Repetitive Static Plate Load Tests of Soils and Flexible Pavement Components, for Use in Evaluation and Design of Airport and Highway Pavements.
- TCVN 9393:2012 Cọc – phương pháp thí nghiệm hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục.
- Các tiêu chuẩn có liên quan khác, đơn vị thi công sử dụng cần nêu rõ trong hồ sơ đề xuất kỹ thuật.

### 4. Yêu cầu năng lực đối với Nhà thầu (điều kiện tiên quyết)

- Cung cấp “Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng” có phạm vi hoạt động xây dựng Hạng I trở lên còn giá trị đến hết năm 2026 gồm một trong các lĩnh vực thi công xây dựng công trình như: Dân dụng hoặc Giao thông hoặc Công nghiệp hoặc Hạ tầng kỹ thuật.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư được cấp theo quy định của pháp luật phù hợp với đặc điểm công việc hoặc Quyết định thành lập (đối với các tổ chức không có đăng ký kinh doanh), yêu cầu với lĩnh vực thiết kế và thi công.
- Nếu có sự thay đổi tên hoặc sát nhập doanh nghiệp thì phải cung cấp Quyết định thành lập doanh nghiệp tiên thân để chứng minh cho số năm kinh nghiệm của nhà thầu
- Cung cấp ít nhất một hợp đồng tương tự về quy mô và tính chất có giá trị Hợp đồng lớn hơn **25.000.000.000 VNĐ** (Hai mươi lăm tỷ đồng) trong vòng 3 năm gần đây. Kèm biên bản nghiệm thu đưa vào sử dụng được xác nhận bởi TVGS và CĐT.
- Năng lực tài chính của Nhà thầu:
  - + Doanh thu mỗi năm trong hai năm gần đây là trên **40.000.000.000 VNĐ** (Bốn mươi tỷ đồng).
  - + Lợi nhuận hai trong ba năm gần đây là không âm.
  - + Nhà thầu đính kèm báo cáo tài chính trong vòng 3 năm gần đây (2022-2024) có xác nhận của Cơ quan kiểm toán độc lập (hoặc Cơ quan chủ quản hoặc Cơ quan chức năng có thẩm quyền);
- Nhà thầu cần có chứng chỉ ISO 9001-2015 về hệ thống quản lý chất lượng.
- Nhà thầu cần có chứng chỉ ISO 45001-2018 về hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp.

#### 5. Phạm vi công việc và phạm vi cung cấp

Stt	Nội dung công việc	Trách nhiệm		Ghi chú
		Bên A	Bên B	
<b>I.</b>	<b>Phần cọc và đài móng BTCT</b>			
1.	Cung cấp hồ sơ thiết kế.	X		
2.	Cung cấp hệ thống mốc tọa độ, cao độ, mặt bằng thi công	X	(X)	
3.	Cung cấp báo cáo khảo sát địa chất công trình (Tài liệu tham chiếu từ dữ liệu của Chủ đầu tư)	X		
4.	Bố trí cán bộ giám sát thi công, chất lượng, an toàn... trong quá trình thi công của Nhà thầu	(X)	X	
5.	Phê duyệt biện pháp thi công chi tiết	X	(X)	
6.	Cung cấp nguồn điện, nguồn nước phục vụ thi công.	X		
7.	Kiểm tra các trang thiết bị điện trước khi vào công trường và kiểm tra định kỳ hàng tuần.	X	(X)	
8.	Cung cấp các loại khí Gas, Oxy, Ni tơ..., dầu DO. Nhà thầu chi trả theo đơn giá thỏa thuận giữa 2 bên.	X	X	

Stt	Nội dung công việc	Trách nhiệm		Ghi chú
		Bên A	Bên B	
9.	Cung cấp đồng hồ, dây dẫn, van chống cháy ngược và các thiết bị liên quan khác đến công tác sử dụng đèn cắt Gas-Oxy, Ni tơ, CO2... đảm bảo đáp ứng quy định trong công trường của PTSC MC.	X	(X)	Bên B sử dụng, bảo quản và trả lại sau khi xong dự án.
10.	Cung cấp thiết bị nâng hạ vận chuyển các rọ khí Gas, Oxy, Ni tơ, dầu DO, thùng rác... trong quá trình thi công	X		
11.	Cung cấp thiết bị nâng hạ, tài xế, móc cáp... để hạ, nâng thiết bị, vật tư của Nhà thầu đến và đi khỏi công trường; lắp đặt tổ hợp/giải phóng thiết bị của Nhà thầu.	X		
12.	Lắp đặt lan can cứng ngăn khu vực thi công, lắp thang lên xuống hố móng, lắp hàng rào che bạt bảo vệ các khu vực thi công kết cấu của các dự án lân cận.	X		
13.	Thiết bị nâng hạ phục vụ trong suốt quá trình thi công (ngoại trừ mục số 11 và 24).		X	
14.	Cung cấp vật tư, thiết bị và nhân lực phục vụ thi công theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt.		X	
15.	Lập các quy trình phối hợp, kiểm tra nghiệm thu và bàn giao theo quy định.	(X)	X	
16.	Ghi chép nhật ký thi công và lập hồ sơ hoàn công cho từng hạng mục thi công. Hồ sơ hoàn công lập song ngữ Việt – Anh.		X	
17.	Công tác trắc đạc, hoàn công tọa độ, cao độ.	(X)	X	
18.	Giải phóng tất cả trang thiết bị, xà bần, bùn, đất đào không tận dụng ra khỏi công trường trong quá trình thi công và ngay sau khi công việc hoàn thành.		X	
<b>II. Phần thí nghiệm nén tĩnh cọc</b>				
19.	Lập đề cương thí nghiệm cọc.		X	
20.	Lập biện pháp thi công chi tiết, sơ đồ chất tải, sơ đồ đặt kích đảm bảo an toàn và hiệu quả, trình bảng tính toán (thiết kế) khả năng chịu tải của hệ dầm đỡ (dầm chính và dầm phụ).	(X)	X	
21.	Cung cấp nhân sự và thiết bị thí nghiệm như: đồng hồ so, đồng hồ áp, máy bơm thủy lực, kích thủy lực, dầm chuẩn... và thí nghiệm nén tĩnh cọc.	(X)	X	

Stt	Nội dung công việc	Trách nhiệm		Ghi chú
		Bên A	Bên B	
22.	Cung cấp tải bê tông hoặc tải thép phục vụ xếp chân và làm đổi trọng, đầm chính, đầm phụ, đầm phân tải... <b>Ghi chú:</b> CĐT có thể cấp toàn bộ hoặc 1 phần các vật tư nêu trên.	X	X	
23.	Cung cấp chứng chỉ chứng minh phòng thí nghiệm đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực thí nghiệm xây dựng	(X)	X	
24.	Xử lý cao độ, bề mặt đầu cọc phục vụ công tác thí nghiệm	(X)	X	
25.	Cung cấp thiết bị nâng hạ (cầu, xe tải, xe nâng phù hợp) và nhân sự vận hành phục vụ chất, hạ tải, chuyển đầm, tải... trong quá trình thí nghiệm nén tĩnh cọc.	X		
26.	Lập báo cáo kết quả thí nghiệm. Thể hiện các biểu đồ quan hệ Tải trọng – Chuyển vị; biểu đồ quan hệ Chuyển vị - Thời gian; biểu đồ quan hệ Tải trọng – Thời gian – Chuyển vị; biểu đồ quan hệ Tải trọng – Thời gian.		X	
<b>III. Nội dung chung</b>				
27.	Văn phòng và lán trại phục vụ thi công		X	
28.	Đảm bảo an toàn, an ninh/tuân thủ các điều kiện an toàn, an ninh trong công trường.		X	
29.	Mua Bảo hiểm cho thiết bị, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba và các loại hình bảo hiểm khác theo quy định pháp luật... trong quá trình thi công công trình		X	
<p>“X”: Thực hiện công việc; “(X)”: phối hợp.  Bên A: PTSC MC/Chủ đầu tư (CĐT); Bên B: Nhà thầu thi công.</p>				

### 6. Yêu cầu kỹ thuật

- Nhà thầu thi công theo hồ sơ thiết kế do Chủ đầu tư cung cấp.
- Cọc BTCT ứng suất trước được sản xuất theo TCVN 7888:2014: Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước.
- Nền cọc được thi công theo tiêu chuẩn TCVN 10667:2014: Cọc bê tông ly tâm – Khoan hạ cọc – Thi công và nghiệm thu.
- Các tiêu chuẩn liên quan khác được nêu ở mục 3.

- Cao trình mặt đất tự nhiên +5.50, cao trình đỉnh cọc thử +5.80, cao trình đỉnh cọc đại trà +3.50 theo hệ cao độ Hải Đồ. Dự kiến chiều dày đài móng 2.1m, cao độ đỉnh đài móng +5.50, đầu cọc ngậm vào đài móng 10cm.
- Lập biện pháp thi công chi tiết phù hợp với điều kiện công trường của Chủ đầu tư. Trong đó bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:
  - + Biện pháp thi công, bản vẽ biện pháp thi công chi tiết cho công tác thi công khoan hạ cọc bê tông ly tâm ứng suất trước.
  - + Lập mặt bằng tổ chức thi công (nêu rõ diện tích bãi/ khu vực cần được bố trí để tổ chức thi công).
  - + Giải pháp vận chuyển đất bùn ra khỏi công trường (Nhà thầu có trách nhiệm xin giấy phép đổ thải và tại các vị trí đổ thải cho phép của địa phương).
  - + Danh mục vật tư sử dụng cho công trình. Nêu rõ tên vật tư, chủng loại, đặc tính kỹ thuật, xuất xứ. Hợp đồng nguyên tắc nếu mua vật tư của bên thứ 3.
  - + Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ trong quá trình thi công.
  - + Danh sách đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm chuyên môn tương ứng.
  - + Lập bảng phân tích an toàn công việc (JSA) cho cả quá trình vận chuyển vật tư, vận chuyển thiết bị và trong suốt quá trình thi công tại công trường.

#### **7. Yêu cầu công tác lập báo cáo thử tải tĩnh cọc**

- Nội dung báo cáo kết quả thí nghiệm bao gồm các nội dung chính sau:
  - + Thuyết minh báo cáo kết quả thí nghiệm.
  - + Bảng tổng hợp kết quả thí nghiệm;
  - + Bảng số liệu thí nghiệm hiện trường;
  - + Các biểu đồ kết quả thí nghiệm: Biểu đồ quan hệ Tải trọng – Chuyển vị; biểu đồ quan hệ Chuyển vị - Thời gian; biểu đồ quan hệ Tải trọng – Thời gian – Chuyển vị; biểu đồ quan hệ Tải trọng – Thời gian.
  - + Mặt bằng thể hiện vị trí cọc thí nghiệm.
- Báo cáo kết thí nghiệm được lập thành 03 bộ song ngữ Tiếng Anh – Tiếng Việt, kèm theo tệp scan báo cáo thí nghiệm.

#### **8. Yêu cầu công tác Quản lý chất lượng**

- + Hệ thống quản lý chất lượng;
- + Quy trình quản lý chất lượng;
- + Biện pháp quản lý/ đảm bảo chất lượng vật tư, thiết bị, nguyên vật liệu đầu vào;
- + Qui trình phối hợp giữa nhà thầu và CĐT;
- + Kế hoạch kiểm tra nghiệm thu (ITP);
- + Qui trình quản lý hồ sơ, tài liệu.

#### **9. Điều kiện nhân lực**

- Nhân sự tham gia thi công công trình phải có đầy đủ chứng chỉ yêu cầu như được quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 và Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018. Đối với những vị trí thi công có yêu cầu đặc biệt như vận hành thiết bị, rigger ....thì công nhân phải có chứng chỉ hành nghề phù hợp.

- Nhân sự tham gia thi công công trình phải có đầy đủ chứng chỉ yêu cầu như được quy định tại Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020.
- Nhân sự chủ chốt phải đủ chuyên môn, kinh nghiệm, năng lực đáp ứng yêu cầu công việc.
- Sơ đồ tổ chức bao gồm nhưng không giới hạn các thành phần sau: Chỉ huy trưởng công trường, giám sát kỹ thuật, quản lý chất lượng, trắc đạc, an toàn...Kèm chứng chỉ chuyên môn, bằng cấp, bảng kê khai kinh nghiệm, hợp đồng lao động còn hiệu lực với công ty.
- Danh sách tổ, đội công nhân thi công trực tiếp. Chứng chỉ nghề (nếu có), hợp đồng lao động còn hiệu lực.
- Nhân lực đưa ra phải được tính tới nhân lực dự phòng trong các trường hợp bất khả kháng (bị ốm, tăng tiến độ trong trường hợp ảnh hưởng của điều kiện thời tiết và điều kiện khách quan).

#### 10. Thiết bị thi công

- Danh sách thiết bị đề xuất phục vụ dự án gồm: Tên thiết bị, số lượng, chủng loại, bảng kê khai thiết bị.
- Thiết bị thi công phải có đầy đủ chứng chỉ về an toàn thiết bị, hướng dẫn sử dụng, quy định về an toàn kèm theo. Chứng chỉ kiểm định đối với các thiết bị bắt buộc theo quy định.
- Máy móc thiết bị phải có xuất xứ rõ ràng, xuất xứ, năm sản xuất, công suất thực hiện...
- Thiết bị phải được nhân sự của Chủ đầu tư kiểm tra chấp thuận trước khi đưa vào sử dụng trong công trường.
- Thiết bị được tính toán và đưa về công trường theo đúng tiến độ của dự án được lập.
- Phải có thiết bị dự phòng trong quá trình thi công, đảm bảo công việc được thực hiện liên tục, không bị gián đoạn trọng quá trình thi công do hỏng hóc thiết bị.
- Danh mục vật tư, thiết bị dự kiến đưa vào sử dụng. Các máy móc thiết bị thi công thuộc danh mục các thiết bị, máy móc, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về An toàn, vệ sinh lao động theo Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/3/2020 thì cần tuân thủ nghiêm ngặt theo thông tư này.
- Bảng kê khai danh mục thiết bị phục vụ thi công, bảng kê khai lý lịch thiết bị, xuất xứ, năm sản xuất. Thông số kỹ thuật. Hợp đồng nguyên tắc nếu thuê bên thứ 3.
- Các máy móc thiết bị thi công thuộc danh mục các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATLĐ theo Thông tư số 05/2014/TT-BLĐTBXH phải có chứng chỉ còn hạn đi kèm. Các thiết bị nâng của Nhà thầu phải đảm bảo yêu cầu theo bảng "EQUIPMENT ON CERTIFICATE OF LIFTING DEVICES" đính kèm.

#### 11. Vật tư thi công

- Danh mục vật tư gồm: Tên vật tư, đặc tính kỹ thuật, xuất xứ, chủng loại... đáp ứng yêu cầu của hồ sơ thiết kế.
- Yêu cầu có hợp đồng nguyên tắc đối với đơn vị cung cấp cọc bê tông ly tâm ứng suất trước, bê tông thương phẩm, thép xây dựng... còn hiệu lực.
- Kế hoạch mua sắm, cung ứng vật tư phù hợp với tiến độ thi công.

#### 12. Công tác an toàn trong thi công

### 12.1 An toàn đối với người lao động.

- Toàn bộ nhân viên, công nhân tham gia dự án đều phải được huấn luyện an toàn lao động. Công tác huấn luyện an toàn lao động được huấn luyện cụ thể cho từng công việc (an toàn làm việc trên cao, an toàn sử dụng thiết bị...) và được cấp chứng chỉ an toàn cho từng công việc đó.
- Mọi người lao động đều phải được khám sức khỏe và chứng nhận đủ sức khỏe đảm nhận công việc được giao.
- An toàn lao động phải tuân thủ và thực hiện theo tài liệu an toàn được phê duyệt của Bên A.
- Người lao động làm việc trên cao phải có lan can bảo vệ, trong trường hợp khác phải có dây đai an toàn theo đúng quy định.
- Phải có giám sát an toàn nhà thầu thường trực cho mỗi nhóm công việc.
- Tất cả nhân sự của Nhà thầu phải được huấn luyện an toàn bởi bên A trước khi được vào công trường làm việc.

### 12.2 An toàn trong kết cấu xây dựng và chất lượng thi công.

- Mọi hạng mục đều phải tính toán biện pháp thi công để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo yêu cầu của Hồ sơ thiết kế yêu cầu.
- Phải có biện pháp xử lý rủi ro trong quá trình thi công khi gặp sự cố về thời tiết, về các điều kiện bất khả kháng.
- Trình bày bảng phân tích an toàn công việc (JSA) cho quá trình thi công.

### 13. Khối lượng công việc mời chào giá

- Khối lượng công việc chào giá theo “**BẢNG KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC**” đính kèm.

### 14. Tiến độ thực hiện công việc

- Tiến độ thực hiện toàn bộ công việc là **70 ngày** kể từ ngày bàn giao mặt đủ điều kiện thi công đến khi hoàn thành bàn giao công trình.
- Nhà thầu lập tiến độ thi công tổng thể, chi tiết đảm bảo yêu cầu của CĐT.
- Tiến độ thi công liên tục bao gồm các ngày cuối tuần, không bao gồm các ngày nghỉ lễ theo quy định Nhà nước.

### 15. Tài liệu đính kèm

- Hồ sơ bản vẽ thiết kế.

### 16. Bảo hành: 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao toàn bộ công trình.

Sau khi Dịch vụ được chuyển sang giai đoạn bảo hành, Nhà thầu phải nộp Giấy bảo lãnh bảo hành trị giá 5% tổng giá trị quyết toán Hợp đồng. Bảo lãnh bảo hành phải có thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu Dịch vụ.

### 17. Điều khoản thanh toán:

Thanh toán: Thanh toán một lần (hoặc trên cơ sở đàm phán/ký kết hợp đồng) bằng hình thức chuyển khoản trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành Dịch vụ.

## PHỤ LỤC 2 - CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ THẦU

### A – Quy định đối với hồ sơ chào hàng:

1. Ngôn ngữ sử dụng trong hồ sơ chào hàng: Tiếng Việt.
2. Phần chào hàng về kỹ thuật: hồ sơ chào hàng Dịch vụ phải phù hợp với các yêu cầu được nêu trong phụ lục số 1. Yêu cầu chung về phương thức chào hàng như sau:
  - a. Về Dịch vụ: Cung cấp đầy đủ nội dung theo yêu cầu.
  - b. Về hồ sơ, chứng từ, danh mục máy móc thiết bị kèm theo (nếu có): Chứng chỉ xuất xứ, chứng chỉ chất lượng, kiểm định...
3. Phần chào hàng về điều kiện thương mại: hồ sơ chào hàng phải nêu rõ các điều kiện thương mại mà nhà cung cấp chào phù hợp với các yêu cầu của Công ty DVCKHH được nêu trong phụ lục số 1,2. Yêu cầu chung về phương thức chào hàng như sau:
  - Đơn giá chào hàng: là đơn giá thanh toán (giá cuối cùng và không thay đổi trong thời hạn hiệu lực của hồ sơ chào giá) cho từng hạng mục Dịch vụ, bao gồm chi phí hàng hoá/dịch vụ, chi phí cho việc thu xếp các chứng chỉ và các hồ sơ cần thiết khác (nếu có). Giá chào bằng tiền VND và nêu rõ mức thuế GTGT trong chào giá.
4. Mỗi bộ Hồ sơ dự chào giá gồm 2 túi hồ sơ (**gồm 01 túi hồ sơ đề xuất kỹ thuật và 01 túi hồ sơ đề xuất thương mại**) sẽ bỏ vào một phong bì, tất cả các bộ Hồ sơ dự chào giá được bỏ chung vào một túi hồ sơ chung, bên ngoài mỗi phong bì và túi hồ sơ phải đóng dấu niêm phong của Nhà thầu, có nhãn ghi rõ những thông tin theo hướng dẫn bên dưới.

#### Số lượng HSCG phải nộp:

- + 01 bản gốc và 02 bản sao cho hồ sơ kỹ thuật
- + 01 bản gốc cho hồ sơ thương mại.

5. Bảo lãnh tham dự chào hàng: Không áp dụng.
6. Bảo lãnh thực hiện Hợp đồng: 5% tổng giá trị Hợp đồng.
7. Hiệu lực của hồ sơ chào hàng: trong vòng 60 ngày kể từ ngày chào giá.
8. Yêu cầu về hình thức của hồ sơ chào hàng:
  - Hồ sơ chào hàng phải chính xác, sạch, đẹp và phải được đánh máy (không điền tay, tẩy xoá...).
  - Đóng dấu từng trang trong hồ sơ chào hàng.
  - Chữ ký của hồ sơ chào hàng: Hồ sơ chào hàng phải có chữ ký của giám đốc hoặc người được giám đốc uỷ quyền (bằng văn bản đính kèm).

### B – Tiêu chuẩn đánh giá chào hàng:

1. Công ty DVCKHH sẽ chọn ký hợp đồng với nhà thầu có chào hàng thoả mãn các yêu cầu của Công ty DVCKHH và có giá chào hàng cạnh tranh nhất.

### C – Không xem xét các hồ sơ không thoả mãn các điều kiện sau:

1. Hồ sơ chào hàng không đáp ứng một trong các yêu cầu cơ bản của Công ty DVCKHH như đã hướng dẫn ở mục A.
2. Chào hàng gửi đến không đúng địa chỉ hoặc không đúng thời hạn quy định tại mục D dưới đây.

### D – Nộp hồ sơ chào hàng:

1. Địa chỉ gửi:

**Công ty TNHH Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC**  
**Số 31 đường 30/4, P. Tam Thắng – T.p Hồ Chí Minh**  
**Tel: 0254-3838834 Fax: 0254-3838 170**

Người nhận: Ông Tô Ngọc Tú – Giám đốc Công ty  
Ông Bùi Vũ Nguyên – Trưởng Phòng Kế hoạch

2. Viết tên: Trên túi hồ sơ chào hàng phải ghi rõ “**Hồ sơ chào hàng Dịch vụ thi công nền cọc để mở rộng đường trượt số 02 (SW02) và các móng đỡ jacking phục vụ sản xuất dự án STTP2B – XIN ĐỪNG MỞ**”. Bao gồm 02 túi hồ sơ như sau:

**Túi hồ sơ 1:** Trên túi hồ sơ phải ghi rõ “**Hồ sơ chào hàng Dịch vụ thi công nền cọc để mở rộng đường trượt số 02 (SW02) và các móng đỡ jacking phục vụ sản xuất dự án STTP2B (chào kỹ thuật)**”. Hồ sơ chào kỹ thuật cần cung cấp một bản chào giá thương mại (không giá) kèm theo.

**Túi hồ sơ 2:** Trên túi hồ sơ phải ghi rõ “**Hồ sơ chào hàng Dịch vụ thi công nền cọc để mở rộng đường trượt số 02 (SW02) và các móng đỡ jacking phục vụ sản xuất dự án STTP2B (chào thương mại)**”.

3. Niêm phong túi hồ sơ: Túi hồ sơ chào hàng phải được niêm phong trong phong bì kín, đóng dấu giáp lai vào những chỗ ghép nối.

4. Thời hạn nộp hồ sơ dự thầu/ chào hàng: **14h ngày 21/07/2025** (tính tại thời điểm hồ sơ đến văn phòng của Công ty DVCKHH tại số 31 đường 30/4, P. Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh).

## REQUIREMENT ON CERTIFICATE OF LIFTING DEVICES

### YÊU CẦU CHỨNG CHỈ CHO DỤNG CỤ NÂNG MỐI MUA REQUIREMENT ON CERTIFICATE OF NEW LIFTING DEVICES

No.	LIFTING DEVICES	CERTIFICATE REQUIREMENT	STANDARDS	REMARK
1	Wire rope slings / Chain sling	CO/CQ + Mill Test Certificate + Proof Load Test Certificate. Visual Certificate by 3 <sup>rd</sup> party prior to first usage	TCVN 4244:2005, BS1290/BS EN13414/1-3	
2	Synthetic Round & Webbing sling	CO/CQ + Manufacture test cert/Visual Certificate by 3 <sup>rd</sup> party prior to first usage.	TCVN 4244:2005, BS EN 1492 PT 1, 2 & 4	
3	Shackles or Eye bolt or Master link	CO/CQ + Proof Load Test Certificate. Visual Certificate by 3 <sup>rd</sup> party prior to first usage	TCVN 4244:2005; BS 4278; RR-C-27-1D TYPE IV; ISO 2415	
4	Spreader bar or Lifting frame S.W.L < 160 tons	(CO/CQ + Manufacture test cert) or (Engineering Document including Calculation + MPI report + material cert + Load test by 3 <sup>rd</sup> party). Visual Certificate by 3 <sup>rd</sup> party prior to first usage	TCVN 4244:2005; BS EN 13001 DNV Standard for Certification of lifting Appliance Chap2.Sec7. Page 61	1. SWL < 10 Tons Load test = 2xSWL 2. 10 Tons < SWL < 160T Load test = 1.04xSWL + 9.6 3. SWL > 160T Load test = 1.1xSWL
5	Spreader bar or Lifting frame S.W.L >= 160 tons	(CO/CQ + Manufacture test cert) or (Engineering Document including Calculation + MPI report + material cert) CO/CQ + Manufacture test cert) or (Engineering Document including Calculation + MPI report + material cert). Visual Certificate by 3 <sup>rd</sup> party prior to first usage	TCVN 4244:2005; BS EN 13001	
6	Personnel Basket	(CO/CQ + Manufacture test cert + Proof Load Test Cert) or (Engineering Document including Calculation, Drawing; MPI report; material cert; Load test Certificate by 3 <sup>rd</sup> party.)	EN 14502-1/ASME B30.23 ; DOE-STD-1090 Chapter 4	
7	Beam Clamp	CO/CQ + Proof Load Test Certificate. Visual Certificate by 3 <sup>rd</sup> party prior to first usage	TCVN 4244:2005; BS EN 13157	

Please Note:

- SWL is mentioned in the Load test certificate

- For the other/additional lifting devices as above, Subcontractor/Vendor must advise to HSE unit in advance for checking prior to use.

**YÊU CẦU CHỨNG CHỈ CHO DỤNG CỤ NÂNG ĐANG SỬ DỤNG  
REQUIREMENT ON CERTIFICATE OF LIFTING DEVICES IN USED**

No.	LIFTING DEVICES	CERTIFICATE REQUIREMENT	STANDARDS	REMARK
1	Wire rope slings / chain sling	Visual Certificate by 3 <sup>rd</sup> party every 6 months.	TCVN 4244:2005, BS1290/BS EN13414/1-3	
2	Synthetic Round & Webbing sling	Visual Certificate by 3 <sup>rd</sup> party every 6 months	TCVN 4244:2005, BS EN 1492 PT 1,2 &4	
3	Shackles or Eye bolt or Master link, Lifting lug	Visual Cert & MPI report by 3 <sup>rd</sup> party every 6 months.	TCVN 4244:2005; BS 4278; RR-C-27-1D TYPE IV; ISO 2415	
4	Spreader bar or Lifting frame S.W.L < 160 tons	Visual Cert & MPI report by 3 <sup>rd</sup> party every 6 months. Addition load test certificate by 3 <sup>rd</sup> party if 3 <sup>rd</sup> party recommend after visual checked.	TCVN 4244:2005; BS EN 13001	1. SWL <10 Tons Load test =2xSWL 2. 10 Tons < SWL <160T Load test =1.04xSWL +9.6 3. SWL >160T Load test =1.1xSWL
5	Spreader bar or Lifting frame S.W.L ≥ 160 tons	(Manufacture test cert + MPI report) or (Engineering Document including Calculation + MPI report + material cert). Visual Certificate by 3 <sup>rd</sup> party every 6 months.	TCVN 4244:2005; BS EN 13001	
6	Personnel Basket	Annual load test Certificate by 3 <sup>rd</sup> party	EN 14502-1/ASME B30.23 ; DOE-STD-1090 Chapter 4	
7	Beam Clamp/Plate clamp/ Pipe hook/ Turnbuckle	Visual Cert & MPI report by 3 <sup>rd</sup> party every 6 months.	TCVN 4244:2005; BS EN 13157	

**Please Noted:**

- SWL is mentioned in the Load test certificate

- Any lifting & rigging equipment that is found to be defective should be tagged out of service immediately and properly discarded or repaired, even its certificate is satisfied

*le*

*S*

**BẢNG KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC**

**DỰ ÁN: SƯ TỬ TRẮNG (STTP2B)**

**HẠNG MỤC: MỞ RỘNG ĐƯỜNG TRƯỢT SỐ 02 (SW02) VÀ CÁC MÓNG ĐỠ JACKING.**

**GÓI CHÀO HÀNG: Thi công nền cọc mở rộng đường trượt số 02 (SW02) và các móng đờ jacking phục vụ sản xuất dự án STTP2B.**

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Cung cấp và thi công khoan hạ cọc</b>			
1	Huy động thiết bị thi công đến và đi khỏi công trường	gói	1,00	
2	Chi phí bảo hiểm thiết bị, an ninh công trường, an toàn lao động và vệ sinh, văn phòng công trường và các hạng mục phụ trợ.	gói	1,00	
3	Cung cấp vật tư và thi công cọc khoan hạ (cọc thử) PP Hyper - MEGA cọc PHC D800, L=52m	cọc	1,00	
4	Cung cấp vật tư và thi công cọc khoan hạ (cọc đại trà) PP Hyper - MEGA cọc PHC D800, L=50m	cọc	102,00	
5	Khoan phá cọc đá hoặc cọc CDM hiện hữu trên bãi đã nâng cấp, sâu 8-12m (phục vụ thi công khoan hạ cọc).	m	1.030,00	
6	Thu gom và vận chuyển bùn xi măng, đất thải, xà bần không tận dụng ra khỏi công trường.	m3	6.695,00	
7	Thí nghiệm khả năng chịu uốn nứt không phá hủy 2 đoạn cọc theo TCVN 7888-2014, mục 7.4	lần	1,00	
8	Thí nghiệm kiểm tra độ bền uốn mối nối theo TCVN 7888-2014 mục 7.8	lần	1,00	
9	Đục thanh thái bê tông nền, móng hiện hữu	m3	22,50	tạm tính
10	Đào đất bằng thủ công thăm dò đường điện, đường cứu hỏa,...	m3	30,00	tạm tính
<b>II</b>	<b>Thí nghiệm nén tĩnh cọc</b>			
11	Xử lý đầu cọc trước khi thí nghiệm	cọc	1,00	
12	Cung cấp thiết bị thí nghiệm gồm (kích thủy lực, đồng hồ so, đồng hồ áp, dầm chuẩn,...) và nhân sự thí nghiệm nén tĩnh cọc bê tông ứng suất trước D800/540, tải trọng thí nghiệm P <sub>tn</sub> =1625T tấn, tổng tải trọng đối trọng tối thiểu 1788 tấn.	cọc	1,00	Không bao gồm tải đối trọng, tải xếp chân và dầm chính, dầm phụ, dầm phân tải.
13	Cung cấp, vận chuyển tải bê tông, tải thép làm đối trọng, xếp chân đến và đi khỏi công trường.	tấn	1.932,00	Bao gồm tải thí nghiệm + tải xếp chân
14	Cung cấp hệ dầm chính, dầm phụ, dầm phân tải phục vụ thí nghiệm (thời gian cung cấp 20 ngày).	tấn	110,00	
15	Nhân sự phối hợp chất tải, hạ tải và luân chuyển tải từ vị trí này sang vị trí khác.	cọc	1,00	
16	Cung cấp thiết bị nâng hạ (cầu, xe nâng, xe tải...bao gồm tải xếp, móc cáp) để xếp tải, xếp dầm, vận chuyển... phục vụ thí nghiệm nén tĩnh cọc.	cọc	1,00	Công ty DVCKHH cung cấp thiết bị
17	Lập báo cáo kết quả thí nghiệm	cọc	1,00	

**Ghi chú:**

- Khối lượng trong bảng trên là tạm tính, khối lượng nghiệm thu là khối lượng Nhà thầu thi công thực tế tại công trường.
- Chủ đầu tư có thể cấp một phần tải bê tông hoặc tải thép cho công tác thí nghiệm nén tĩnh cọc.
- Nhà thầu chào thêm bảng khối lượng (không giá) cùng với túi chào kỹ thuật.
- Nhà thầu không được thay đổi hàng, cột, số thứ tự trong bảng trên. Nhà thầu có thể chào bổ sung các phạm vi công việc ngoài bảng khối lượng công việc mời chào giá nêu trên nhưng ở một (01) bảng riêng để CĐT xem xét.



KEY PLAN  
SCALE 1:5000

NOTES:

- All dimensions are in millimeters, UNO.
- All elevations are to mean sea level.
- Using the datum, Coordinate system VN2000, Longitude data 107°45', Reference grid UTM, Projection 3°.
- Demarcation of coordinate axes X1O1Y1:
  - Set up the device No 1 at datum point MC-01 (Reference point), level device to datum point MC-02, right value of data to axis, under angle 90°30' clockwise.
  - Set up the device No 2 at datum point MC-02 (Reference point), level device to datum point MC-01, right value of data to axis, under angle 90°11' anticlockwise.
  - Connection of device axis to datum corner O1.
  - Set up device at corner O1 (Just demarcated), level device to datum point MC-02, right value of data to axis under angle 90°30' clockwise and
  - Set up device at corner O1, level device to O1Y1 and demarcated right value of data to axis under angle 90°30' clockwise to an identifiable O1Y1.
- Datum point MC-01, MC-02 must be checked before using.
- Origin of coordinate O1, and datum point MC-01, MC-02 must be maintained during building operations.

No.	DRAWING No.	DRAWING TITLE

DRAWING REFERENCES

CLIENT:  

 PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION  
 PTSC MECHANICAL AND CONSTRUCTION

ENGINEERING CONSULTANT:  

 PETROVIETNAM TECHNICAL SERVICES CORPORATION  
 PTSC MECHANICAL AND CONSTRUCTION

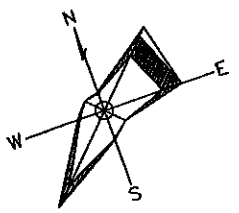
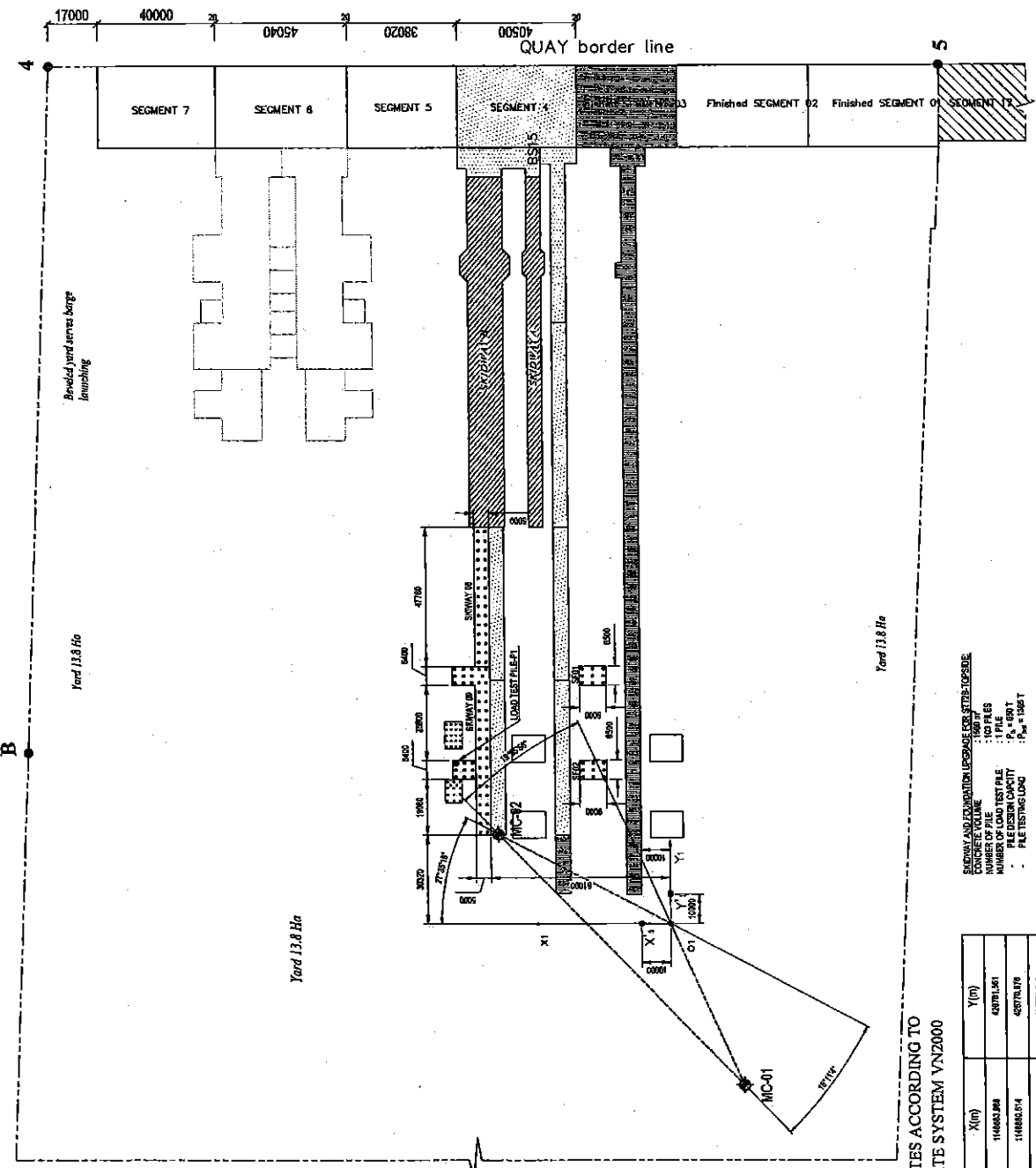
PROJECT:  
 UPGRADING YARD AND JETTY  
 TITLE:  
 CGF TOPSIDES-UPGRADE SKIDWAY  
 AND JACKING FOUNDATION DRAWING  
 LOCATION PLAN OF COORDINATES AXES X1O1Y1

REV.	DESCRIPTION	DATE	DESIGN	CHKD	APPD	APPD
01	ISSUED FOR REVIEW	15-June-2021	ATD	NVA	TDA	

PREPARED BY: CHECKED BY: APPROVED BY:

SCALE	DRAWING No.	SHEET	REV.
AS SHN	2021-4501-66-1001-03	01 OF 01	01

LOCATION PLAN OF COORDINATES AXES X1O1Y1  
SCALE: 1:1500



SKIDWAY AND FOUNDATION UPGRADE FOR SETTING TOPSIDE  
 CONCRETE VOLUME : 1800 m<sup>3</sup>  
 NUMBER OF JACKING TEST PILES : 1 PILE  
 FILE DESIGN CAPACITY : P<sub>d</sub> = 690 T  
 FILE TESTING LOAD : P<sub>test</sub> = 1300 T

COORDINATES ACCORDING TO  
COORDINATE SYSTEM VN2000

No.	Name	X(m)	Y(m)
1	Cent. Area X00Y1	1148603.888	428781.841
2		1148603.014	428781.876
3		1148603.028	428781.868
4		1148603.032	428781.872
5		1148603.036	428781.876

D I N H R I V E R

QUAY border line

17000 40000 45040 38020 40500

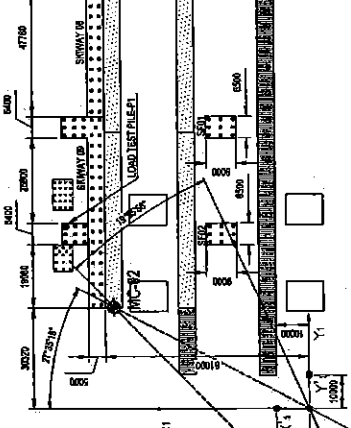
PP SHIPYARD

Berthed yard serves barge launching

Yard 13.8 Ha

Yard 13.8 Ha

Yard 13.8 Ha



# C BÉ TÔNG LY TÂM ỨNG SUẤT TRƯỚC/ CONCRETE SPUN PILE PHC-D800-L-TCVN 7888: 2014

## GHI CHÚ VẬT LIỆU/ MATERIAL NOTE:

1. BÉ TÔNG CONCRETE:
  - CƯỜNG ĐỘ STRENGTH: 80 MPa
  - MẪU SPECIMEN: D150 x H300
  - XI MĂNG/ CEMENT: PCBM/ OPC40
2. THÉP DÂY PC BAR:
  - LOẠI: SPPDL 1275/ 1420, JIS G3137:2009
  - GIỚI HẠN BỀN KÉO/ TENSILE STRENGTH: 1420MPa
  - GIỚI HẠN DẸC/ YIELD STRENGTH: 1275 MPa
  - THÉP DÂY SẮC/ LOẠI SWRB, JIS G 3532:2000
  - TIÊU CHUẨN NHẬP THỦ/ STANDARD: TCVN 7888:2014
3. THÉP TẤM/ STEEL PLATE: CT3 HOẶC S9400, JIS 3101:2000
4. TIÊU CHUẨN NHẬP THỦ/ STANDARD: TCVN 7888:2014
5. CHIEU DÀI ĐOẠN DÀI NHẤT/ MAX SEGMENT LENGTH: 12m
6. TỶ HỢP CỌC THỦ/ TEST PILE COMBINATION: PHC 14m + PHC 14m + PHC 12m + MPH 12m = 52m
7. KÝ HIỆU CODE: PHC-D800-L-TCVN 7888:2014
8. KÝ HIỆU CODE: PHC-D800-L-TCVN 7888:2014

KHÁCH HÀNG/ CUSTOMER:

ĐƠN VỊ TƯ VẤN/ CONSULTANT:

ĐỊA CHỈ/ ADDRESS:

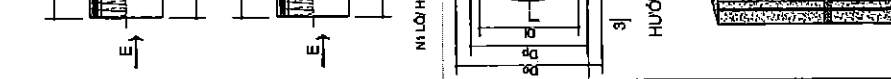
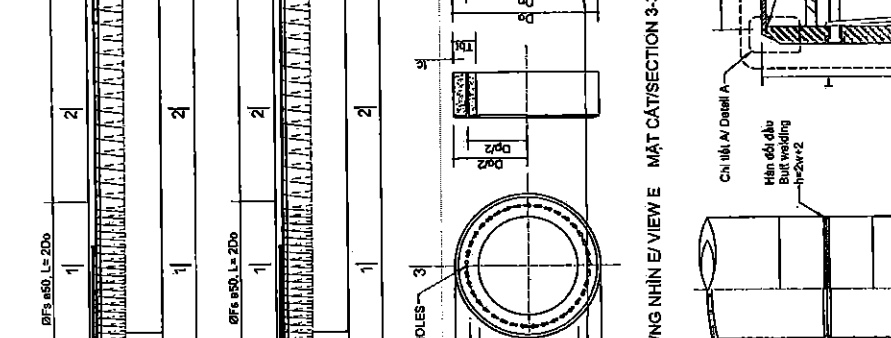
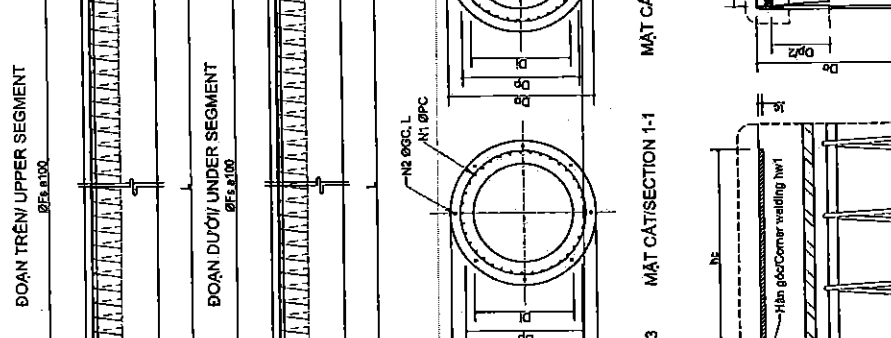
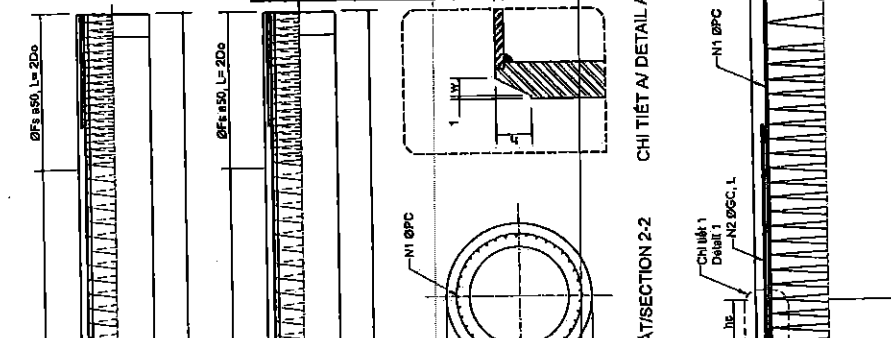
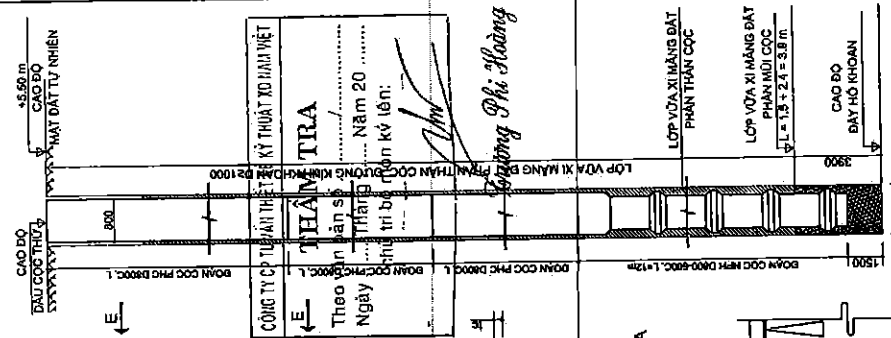
PHƯỜNG THĂNG NHẤT, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING:

CHI TIẾT CỌC THỦ ỨNG SUẤT TRƯỚC/ SPUN PILE  
COC BÉ TÔNG LY TÂM ỨNG SUẤT TRƯỚC/ SPUN PILE  
PHC-D800-L-TCVN-7888:2014

PHÁT HÀNH/ ISSUED FOR: SƠ HIỆU BẢN VẼ/ DRAWING NO.:  
SẢN XUẤT/ PRODUCTION  
PHC-D800-01-NCBT

NGÀY/ ISSUED: 03/2024



SƠ ĐỒ HỒ KHOAN VÀ TỶ HỢP CỌC

CHI TIẾT ĐẦU ĐOẠN CỌC/ PILE END DETAIL

CHI TIẾT 1/ DETAIL 1

HÀN NỐI CỌC/ WELDING

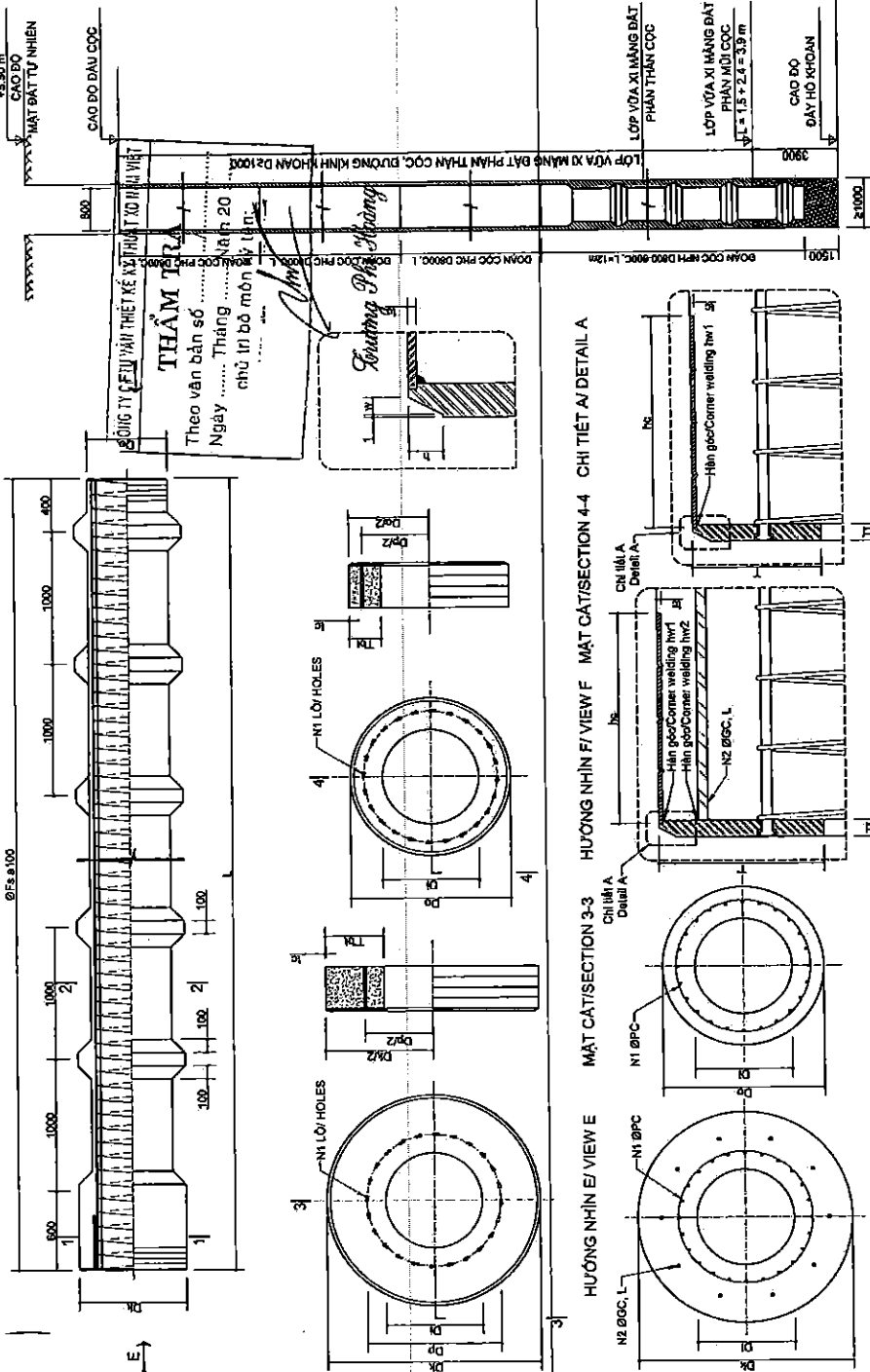
KÍCH THƯỚC DIMENSION		LOẠI CLASS	THÉP DÂY ỨNG SUẤT TRƯỚC/ REINFORCED BAR	MOMENT TƯƠNG ĐƯƠNG STANDARD BENDING MOMENT	THÉP DÂY SẮC/ REINFORCEMENT	MẶT BÍCH ĐÓNG FLANGE	MÀNG ĐÓNG CẦU/ CURB	CHI TIẾT A/ DETAIL A							
D <sub>o</sub> (mm)	D <sub>h</sub> (mm)	D <sub>h</sub> (mm)	Số lượng/ No. (mm) <sup>2</sup>	Chiều dài/ Length (mm)	Số lượng/ No. (mm) <sup>2</sup>	Chiều dày/ Thickness (mm)	Chiều cao/ Height (mm)	Chiều dài/ Length (mm)							
800	660	520	140	C	10.7	37	18	9	20	130	300	4.0	7	18	3





# C BÉ TÔNG LY TÂM ỨNG SUẤT TRƯỚC/ CONCRETE SPUN PILE NPH D800&600-L-TCVN 7888: 2014

ĐOẠN CỌC NODULAR NPH D800-600



## GHỊ CHỮ VẬT LIỆU/MATERIAL NOTE:

- BÊ TÔNG/ CONCRETE:
  - CƯỜNG ĐỘ/ STRENGTH: 90 MPa
  - MẪU SPECIMEN: D150 x H900
  - XI MĂNG/ CEMENT: PCBA0/ OPC40
- THÉP DULY/ PC BAR:
  - LOẠI: SBPDL 1275/ 1420, JIS G3337/ 2000
  - GIỚI HẠN BỀN KÉO/ TENSILE STRENGTH: 1275 MPa
  - GÓI HẠN BỀN KÉO/ YIELD STRENGTH: 1275 MPa
- THÉP TẤM/ STEEL PLATE: CT3 HOẶC SA400, JIS G 3101/ 2000
- TIÊU CHUẨN NGHIỆM THỬ STANDARD: TCVN 7888:2014
- CHIEU DÀI ĐOẠN DÀI KHẮT/ MAX SEGMENT LENGTH: 12m
- TỔ HỢP CỌC BÀI TRÁI/ MASS PILE COMBINATION: PHC 12m + PHC 14m + PHC 12m + NPH 12m = 50m
- KÝ HIỆU CODE: NPH-D800&600-L-TCVN 7888:2014

KHÁCH HÀNG/ CUSTOMER:

ĐƠN VỊ TƯ VẤN/ CONSULTANT:

ĐỊA CHỈ/ ADDRESS:

PHƯỜNG THẮNG NHẤT, THÀNH PHỐ VŨNG TÁU

TÊN BẢN VẼ/ DRAWING:

CHI TIẾT CỌC NPH ĐAI TRÁNH MASSIVE PILE DETAIL  
CỌC BÉ TÔNG LY TÂM ỨNG SUẤT TRƯỚC/ SPUN PILE  
NPH-D800&600-L-TCVN-7888:2014

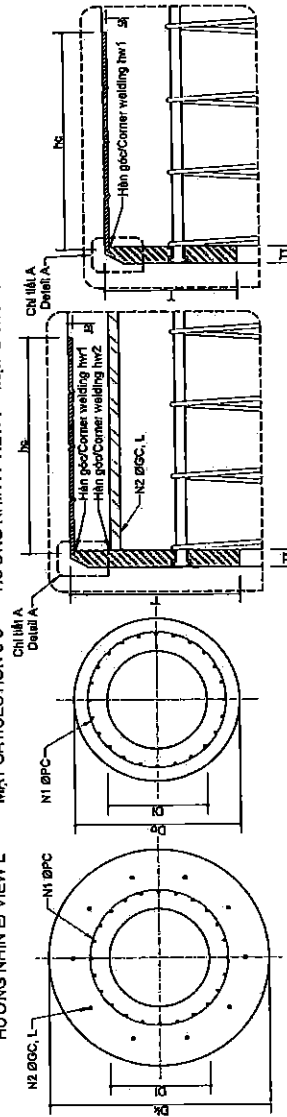
PHÁT HÀNH/ ISSUED FOR: SƠ HỒI BẢN VẼ/ DRAWING NO.:

SẢN XUẤT/ PRODUCTION

NPH-D800&600-01-HCĐT

NGÀY/ ISSUED: 03/2024

## HƯỚNG NHÌN E/ VIEW E MẶT CẮT SECTION 3-3 CHI TIẾT A/ DETAIL A



## MẶT CẮT SECTION 1-1 CHI TIẾT ĐOẠN ĐẦU CỌC D800/ PILE END DETAIL D800

## MẶT CẮT SECTION 2-2 CHI TIẾT ĐOẠN ĐẦU CỌC D800/ PILE END DETAIL D800

## MẶT CẮT SECTION 3-3 CHI TIẾT ĐOẠN ĐẦU CỌC D800/ PILE END DETAIL D800

## MẶT CẮT SECTION 4-4 CHI TIẾT ĐOẠN ĐẦU CỌC D800/ PILE END DETAIL D800

KÍCH THƯỚC DIMENSION		LOW CASE		THÉP DÂY ỨNG LỰC PC BAR		THÉP DÂY CƯỜNG TĂNG REINFORCED BAR CG		THÉP DÂY SPIRAL		MẶT BÍCH ĐÓNG END PLATE D800		MẶT BÍCH ĐÓNG END PLATE D600		MẶT XUNG ĐÓNG COLLAR D800		MẶT XUNG ĐÓNG COLLAR D600		CHI TIẾT A/ DETAIL A		
D <sub>h</sub> (mm)	D <sub>o</sub> (mm)	D <sub>h</sub> (mm)	D <sub>o</sub> (mm)	D <sub>h</sub> (mm)	D <sub>o</sub> (mm)	D <sub>h</sub> (mm)	D <sub>o</sub> (mm)	D <sub>h</sub> (mm)	D <sub>o</sub> (mm)	D <sub>h</sub> (mm)	D <sub>o</sub> (mm)	D <sub>h</sub> (mm)	D <sub>o</sub> (mm)	D <sub>h</sub> (mm)	D <sub>o</sub> (mm)	D <sub>h</sub> (mm)	D <sub>o</sub> (mm)	D <sub>h</sub> (mm)	D <sub>o</sub> (mm)	
800	600	800	600	10.7	22	14	10	600	3	4	15	200	18	190	200	150	200	150	14	1

